

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TÂN T Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LONG AN

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2020

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Duyên

2. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: ấp Kênh Vắn P, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông Phạm Văn B, sinh năm: 1965

Địa chỉ: ấp Kênh Vắn P, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 11/12/2019, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Bà và ông Phạm Văn B chung sống với nhau từ năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Tân T vào năm 2013. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh nhiều

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên thường xuyên về kiểm chuyện sinh sự, cãi vã với bà, không để cho bà yên ổn làm ăn. Vì thương con nên bà cố nhẫn nhịn bỏ qua cho đến nay. Tuy nhiên hiện nay bà xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: bà và ông B có 02 con chung tên Phạm Văn Ng, sinh năm 1987 và Phạm Văn T, sinh năm 1990. Hai con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Văn B không đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng có gửi đến Tòa án đơn trình bày sự việc ghi ngày 20/12/2019. Theo nội dung đơn, ông B trình bày ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1984, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay, bà H đã nhiều lần (04 lần) nộp đơn ly hôn với ông. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông cũng có những mâu thuẫn trong gia đình nên thường cãi vã nhau. Bà H cho rằng ông có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài rồi về nhà ngược đãi vợ con. Ông thì cũng nghi ngờ bà H có quan hệ với người đàn ông khác, có lần ông nghe bà H nói chuyện điện thoại tình cảm với người đàn ông khác. Do có những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên bà H thường xuyên chửi và xúc phạm ông B bằng những lời lẽ không lịch sự, không tôn trọng ông. Ông yêu cầu Tòa án xem xét.

Về yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông B không thể hiện ý kiến gì.

* Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu trên.

Ông B có mặt tại phiên tòa và trình bày như sau: ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1984, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay, bà H đã nhiều lần nộp đơn ly hôn với ông. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đã được thể hiện trong đơn trình bày sự việc ghi ngày 20/12/2019 mà ông đã gửi đến Tòa án. Tuy có nhiều mâu thuẫn nhưng ông còn yêu thương bà H nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp nếu bà H kiên quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: ông và bà H có 02 con chung tên Phạm Văn Ng, sinh năm 1987 và Phạm Văn T, sinh năm 1990. Hai con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H với bị đơn Phạm Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Phạm Văn B đã vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông B có mặt và đã trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2] Về nội dung: Bà H và ông B chung sống với nhau từ năm 1984, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng bà H trình bày đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B có quan hệ với người phụ nữ khác nên cãi vã, ngược đãi bà H. Tại đơn trình bày sự việc ngày 20/12/2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông B trình bày giữa ông và bà H cũng có mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình nên bà H đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông B ạc. Tại phiên tòa, bà H và ông B trình bày cách nay hơn 01 năm bà H và ông B đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà H sinh sống ở nhà tại xã Tân Bình, huyện Tân T; còn ông B sinh sống và làm ruộng tại xã Tân H, huyện Tân T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông B không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không cung cấp ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Tại phiên tòa, bà H không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Ông B có mặt tại phiên tòa và trình bày còn yêu thương bà H nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian ly

thân mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, ông B cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa ông B và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H được ly hôn với ông B.

Về con chung: bà H và ông B có hai con chung tên Phạm Văn Ng, sinh năm 1987 và Phạm Văn T, sinh năm 1990. Hai con chung đã thành niên nên bà H, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H.

Bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với ông Phạm Văn B.

Về con chung: bà H và ông B có hai con chung tên Phạm Văn Ng, sinh năm 1987 và Phạm Văn T, sinh năm 1990. Hai con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000752 ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang án phí, bà H không phải nộp thêm. Ông Phạm Văn B không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi